

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

A/ Thời gian và địa điểm

- Thời gian: 8h 15 phút ngày 17 tháng 4 năm 2013
- Địa điểm: Hội trường tầng 3, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
Số 231 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

B/ Thành phần tham dự

- Thành phần: Các cổ đông/cổ đông và đại diện cổ đông/đại diện cổ đông có tên trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán được TTLK chứng khoán VN chốt ngày 18/3/2013.
- Chủ tọa đại hội: Ông Lê Văn Cường - Chủ tịch HĐQT Công ty

C/ Chương trình và nội dung Đại hội

Các thủ tục Đại hội

1. Ông Nguyễn Văn Thịnh - TVHĐQT-TP Tổ chức nhân sự, cổ đông của Công ty, báo cáo việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của các cổ đông/đại diện cổ đông như sau:
 - Số cổ đông/đại diện cổ đông có mặt sở hữu hoặc sở hữu và đại diện sở hữu cho 10.716.844 cổ phần trên tổng số 16.200.000 cổ phần theo vốn điều lệ, chiếm 66,15% tổng số vốn cổ phần theo vốn điều lệ.
 - Căn cứ vào khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đủ điều kiện để tiến hành.
2. Ông Nguyễn Quang Hào - TVHĐQT, P.Tổng giám đốc khai mạc Đại hội.
3. Lê Văn Cường - Chủ tọa Đại hội chỉ định thư ký Đại hội:
 - Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Công ty.
 - Ông Nguyễn Đình Lý - TP KHKV
4. Ông Lê Văn Cường - Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu biểu quyết, gồm có:
 - Ông Nguyễn Trung Hòa - Phó văn phòng Cty, cổ đông của Cty: Trưởng ban.
 - Ông Trần Minh Tuấn - P.TCKT Công ty, cổ đông Cty: Thành viên.
 - Bà Phạm Thị Yến - TV Ban kiểm soát, cổ đông Cty: Thành viên



Đại hội đã biểu quyết và thông qua Ban kiểm phiếu biểu quyết, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.816.844 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

5. Đại hội đã thông qua Chương trình, nội dung Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết và thông qua Chương trình, nội dung Đại hội như dự thảo, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.716.844 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

6. Đại hội đã thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

Đại hội thông nhất Quy chế tổ chức Đại hội như dự thảo

- Số phiếu tán thành là 10.716.844 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

Phần nội dung Đại hội

I/ Trình bày các báo cáo và Tờ trình, thảo luận và biểu quyết thông qua:

1. Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2012 của Công ty

1.1 Trình bày báo cáo: Bà Đào Thị Hoa – TVHĐQT, Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt; với các nội dung chủ yếu sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		385.450.563.698	477.584.490.438
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	29.876.762.037	15.252.494.850
1	Tiền	111		29.876.762.037	15.252.494.850
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.890.706.647	98.263.599.932
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	57.944.587.090	75.287.621.066
2	Trả trước cho người bán	132	V.03	6.261.573.030	25.257.857.418
5	Các khoản phải thu khác	135	V.04	1.094.611.572	986.213.350
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.410.065.045)	(3.268.091.902)
IV	Hàng tồn kho	140		294.101.093.306	357.468.652.064
1	Hàng tồn kho	141	V.05	296.499.468.968	357.468.652.064
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(2.398.375.662)	
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		582.001.708	6.599.743.592
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.845.833	101.723.752
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.212.075	2.325.453.874
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.06		2.112.313.900
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	556.943.800	2.060.252.066
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		148.306.774.126	183.060.214.204
II	Tài sản cố định	220		135.790.734.026	171.578.880.436
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	89.628.178.600	120.503.833.490
	<i>Nguyên giá</i>	222		524.342.398.027	523.352.040.640
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(434.714.219.427)	(402.848.207.150)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	42.528.472.029	47.195.744.507
	<i>Nguyên giá</i>	225		68.516.625.194	69.042.383.626
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(25.988.153.165)	(21.846.639.119)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.631.077.397	3.646.431.772
	<i>Nguyên giá</i>	228		3.703.723.022	3.703.723.022
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(72.645.625)	(57.291.250)
4	Xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.006.000	232.870.667

IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.665.769.526	11.259.821.643
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	11.411.041.033	11.424.099.631
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(745.271.507)	(164.277.988)
V	Tài sản dài hạn khác	260		1.850.270.574	221.512.125
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	353.594.384	221.512.125
3	Tài sản dài hạn khác	268		1.496.676.190	
	CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		533.757.337.824	660.644.704.642
TT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		283.023.183.349	447.046.047.183
1	Nợ ngắn hạn	310		268.239.341.474	420.279.386.914
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	212.290.784.120	365.552.031.127
2	Phải trả cho người bán	312	V.15	13.729.683.924	30.512.731.618
3	Người mua trả tiền trước	313	V.16	2.835.476.303	4.918.339.353
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	5.219.511.682	3.336.868.526
5	Phải trả người lao động	315		19.088.237.786	4.921.965.466
6	Chi phí phải trả	316	V.18	7.405.600.293	5.493.534.888
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	1.460.287.980	990.521.320
11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		6.209.759.386	4.533.394.616
II	Nợ dài hạn	330		14.783.841.875	26.766.660.269
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	14.706.023.693	24.506.525.255
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			967.558.853
8	Doanh thu chưa thực hiện	338		77.818.182	1.292.576.161
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		250.734.154.475	213.598.657.459
1	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	250.755.226.123	213.270.709.847
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		162.000.000.000	162.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.425.702.775	1.001.031.559
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(1.077.889.526)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		32.702.011.384	30.219.597.614

8	Quỹ dự phòng tài chính	418		8.722.186.271	6.239.772.501
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		44.905.322.088	14.888.194.094
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(21.071.648)	327.947.612
3	Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		(76.999.998)	216.090.911
4	Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		55.928.350	111.856.701
	CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		533.757.337.824	660.644.704.642

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4	Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.509.172.439	1.509.172.439
5	Ngoại tệ các loại (USD)	005		2.303	1.943

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	VI.22	1.094.712.187.881	1.218.311.133.515
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	6.361.867.770	5.943.812.328
	- Chiết khấu thương mại			0	0
	- Giảm giá hàng bán			4.998.720	400.000
	- Hàng bán bị trả lại			6.356.869.050	5.943.412.328
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp			0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.24	1.088.350.320.111	1.212.367.321.187
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.25	919.743.178.444	1.108.704.774.860
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		168.607.141.667	103.662.546.327
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	848.013.948	1.831.508.300
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.27	42.550.709.514	50.929.119.490
	Trong đó: Lãi vay phải trả	23		40.257.097.180	46.599.999.714
8	Chi phí bán hàng	24		24.685.793.929	20.364.338.482
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.241.149.939	31.977.055.538
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		61.977.502.233	2.223.541.117
11	Thu nhập khác	31		1.531.643.289	1.115.937.946
12	Chi phí khác	32		130.424.828	330.933.593
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.401.218.461	785.004.353

14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.378.720.694	3.008.545.470
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VL28	15.844.680.174	752.136.367
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		47.534.040.520	2.256.409.103
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL30	2.934	140

1.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội Đại hội không có ý kiến gì

1.2 Biểu quyết thông qua:

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012 của Công ty, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 11.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

2. Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2012.

2.1 Trình bày báo cáo: Ông Lê Văn Cường - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2012.

Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2012 có nội dung chủ yếu sau:

2.1.1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2012.

Năm 2012, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD mà Đại hội đồng cổ đông giao cho. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả SXKD năm 2012 của Công ty như sau:

Chi tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐH năm 2012	Thực hiện năm 2012	So sánh (%)
1. Giá trị SXCN	Tỷ đồng	405	354,39	87,50
2. Doanh thu	Tỷ đồng	1.300	1.088,35	83,72
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	36	63,39	176,08

Như vậy, các chỉ tiêu Giá trị SXCN và Doanh thu không hoàn thành, chỉ tiêu lợi nhuận tăng cao.

Ngoài các nguyên nhân khách quan mà các doanh nghiệp khác cùng ngành cũng bị tác động, theo đánh giá của HĐQT các nguyên nhân chủ quan chính dẫn đến kết quả sản xuất và tiêu thụ không hoàn thành kế hoạch gồm có:

- Chất lượng lớp ô tô quy cách lớn chưa được nâng cao và vẫn không ổn định làm giảm sản lượng tiêu thụ. Trong khi lớp ô tô quy cách lớn là sản phẩm quan trọng quyết định các chỉ tiêu SXKD của Công ty.
- Giá thành sản phẩm xe đạp, xe máy cao nên mặc dù chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu nhưng sức cạnh tranh về giá yếu nên ảnh hưởng tới sản lượng tiêu thụ.
- Công tác quản lý chi phí năng lượng, công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đã có tiến bộ so với năm 2012 nhưng còn chưa đạt được kết quả cao. Các chương trình tiết kiệm năng lượng, cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm triển khai còn chậm.
- Việc kiểm tra, giám sát thị trường, công tác quản lý Đại lý chưa toàn diện còn nhiều bất cập. Từ đó, không nắm bắt thông tin kịp thời để điều chỉnh dẫn đến giảm sút số lượng sản phẩm tiêu thụ. Chưa tìm được sản phẩm mũi nhọn, có ưu thế để Công ty định hướng sản xuất và tiêu thụ.
- Từ đầu năm đã có nhiều lao động, công nhân, kỹ sư rời khỏi công ty, đồng thời việc tuyển dụng lao động hiện nay rất khó khăn từ đó làm mất cân đối trong dây chuyền sản xuất, năng suất lao động giảm sút, chi phí tăng lên làm cho việc đạt mục tiêu hiệu quả càng trở nên khó khăn. Từ tháng 7, thu nhập của người lao động đã được cải thiện hơn và tình trạng lao động cơ bản ổn định.
- Việc đầu tư máy móc, thiết bị nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động triển khai còn chậm.

2.1.2. Hoạt động của HĐQT.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các nghị quyết, quyết định.

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức họp 16 phiên và lấy ý kiến thành viên HĐQT 03 lần. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 16 nghị quyết và 17 quyết định.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo 100% số các thành viên HĐQT tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời thủ trưởng các đơn vị, phòng ban trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.

2.1.3. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành.

- Xác định được khó khăn, thách thức nên ngay từ đầu năm, Ban điều hành đã chủ động xây dựng các nội dung công việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao cho. HĐQT đánh giá Ban điều hành trong năm 2012 đã thực hiện tốt nội dung sau:
 - † Đã áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ nhằm sử dụng các nguồn vật tư thay thế hàng nhập khẩu có giá rẻ nhưng vẫn duy trì ổn định chất lượng, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

+ rà soát và ban hành mới các định mức kỹ thuật theo hướng tiên tiến, sát với thực tế, phân đầu giảm hao hụt trong các công đoạn sản xuất, giảm tỷ lệ sản phẩm phế tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.

+ Thay thế lò đốt than và dầu FO bằng việc mua hơi lò Biomass vừa tiết kiệm rất lớn chi phí nhiên liệu đồng thời cải thiện đáng kể ô nhiễm môi trường.

+ Bố trí thời gian sản xuất khoa học, hợp lý, phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị.

+ Tiếp tục củng cố, duy trì và không ngừng phát triển hệ thống đại lý bán hàng trong nước, chú trọng đến công tác xuất khẩu.

- Tuy nhiên, trong hoạt động của mình, Ban điều hành vẫn còn những hạn chế sau:

+ Triển khai một số nghị quyết còn chậm như công tác đầu tư năm 2012, hợp tác với chuyên gia Ấn độ và Nga trong việc sản xuất sản phẩm Clobutyl và nâng cao chất lượng lớp ô tô cỡ lớn.

2.1.4. Mức cổ tức:

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2012, ngày 20/01/2013 HĐQT Công ty đã họp và nhất trí trình Đại hội đồng cổ đông mức cổ tức năm 2012 là 25% vốn điều lệ, trong đó 12,5% vốn điều lệ chi trả bằng tiền mặt và 12,5% vốn điều lệ bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách trả cổ tức.

2.1.5. Kế hoạch SXKD năm 2013.

Sau khi xem xét mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2012, căn cứ và tình hình thực tế hiện nay, HĐQT thống nhất đề xuất chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2013 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013
1. Giá trị SXCN	Tỷ đồng	375
2. Doanh thu	Tỷ đồng	1.286
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	65
4. Cổ tức/Vốn điều lệ	%	15

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013, cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.

- HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực vừa tổ chức sản xuất kinh doanh tốt vừa triển khai có hiệu quả dự án di dời nhà máy đến địa điểm mới nếu có điều kiện thuận lợi.

- Ban điều hành phải kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2012.

- Yêu cầu Ban điều hành phải tập trung quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng. Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, kỹ cương công nghệ, đầu tư nâng cao năng lực công tác cán bộ, tay nghề cho công

nhân. Lựa chọn sản phẩm mũi nhọn của Công ty, thường xuyên hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý để đại lý gắn bó với Công ty.

- Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV; có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi làm việc tại Công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động ổn định tư tưởng, thấy rõ được trách nhiệm của mỗi người trong việc góp phần ổn định, đưa Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn làm cơ sở cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

Đại hội không có ý kiến gì

2.3 Biểu quyết thông qua

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của HĐQT đánh giá công tác quản lý kinh doanh của Công ty năm 2012, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 11.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3. Báo cáo đánh giá kết quả SXKD năm 2012, giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013.

3.1 Trình bày báo cáo: Ông Mai Chiến Thắng - TVHĐQT, TGD trình bày Báo cáo đánh giá kết quả SXKD năm 2012, giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD 2013.

Báo cáo đánh giá kết quả SXKD năm 2012, giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD 2013 có nội dung chủ yếu sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2012

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	% so với KH năm 2012
I- Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	354,39	87,50
II- Doanh thu tiêu thụ	..	1.088,35	83,72
III- Lợi nhuận	..	63,39	176,08
IV- Sản phẩm sản xuất chủ yếu			
1- Lốp xe đạp	Chiếc	3.610.853	99,75

2- Săm xe đạp	„	4.276.388	95,03
3- Lớp xe máy	„	550.701	78,67
4- Săm xe máy	„	5.233.678	95,16
5- Lớp ôtô	„	280.841	85,10
6- Săm ôtô	„	173.114	80,52
7- Yếm ôtô	„	104.545	90,91

II. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2012

Năm 2012 là năm nền kinh tế Thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng gặp nhiều khó khăn. Các bất ổn về kinh tế vĩ mô, tỷ lệ lạm phát và chỉ số tiêu dùng tăng nhanh đã tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và sự phát triển của Công ty nói riêng.

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể lao động trong Công ty, năm 2012 Công ty CP Cao su Sao Vàng đã thực hiện được một số kết quả thể hiện qua các mặt sau:

1. Công tác quản lý điều hành sản xuất

- Năm 2012, tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, vì vậy ngay từ đầu năm Công ty đã có quyết tâm cao trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động, sáng tạo, linh hoạt thực hiện hàng loạt các giải pháp tổng thể, Công ty đã hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận.

a. Các mặt đã làm được:

- Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ chủ chốt nhận thức rõ các khó khăn và các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty, có quyết tâm và tinh thần đoàn kết cao để đưa Công ty vượt qua khó khăn.

- Đứng trước các khó khăn rất lớn và ngày một gay gắt về công tác tiêu thụ sản phẩm, huy động quản lý nguồn vốn, ổn định công nghệ và chất lượng sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Tổ chức các cuộc họp chuyên đề, các cuộc hội thảo để giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh.

- Tổ chức rà soát bổ sung các quy định hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu. Tiến hành tổ chức chào

thầu cạnh tranh cho các lô cao su thiên nhiên và vận chuyển sản phẩm đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định ban hành.

- Công tác thực hiện định mức vật tư được lãnh đạo công ty coi trọng, việc xây dựng và thực hiện định mức vật tư nguyên vật liệu càng ngày càng chặt chẽ hơn. Công ty đã xây dựng và thực hiện Quy chế thưởng phạt thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị. Công tác kiểm điểm định mức được thực hiện thường xuyên, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức.

b. Các mặt tồn tại trong công tác điều hành:

- Công tác sắp xếp, bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất chưa cân đối dẫn đến năng suất và hiệu quả chưa cao, chậm được đổi mới, cải tiến.

- Việc sắp xếp tinh giảm bộ máy gián tiếp, phục vụ đã triển khai nhưng bộ máy vẫn còn kênh, thiếu hiệu quả. Một số nhân viên, cán bộ làm công tác quản lý, công tác chuyên môn nghiệp vụ chưa kịp theo yêu cầu.

- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất đôi lúc còn lúng túng. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ, quản lý tiền lương, quản lý hạch toán, quản lý chi phí ở một vài xí nghiệp chưa đáp ứng được đòi hỏi của Công ty. Sự chỉ đạo của Ban điều hành và các phòng ban chức năng công ty có lúc chưa kịp thời, quyết liệt.

2. Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Vấn đề tiền lương có ảnh hưởng tới tất cả các phương diện trong nội dung quản lý nguồn nhân lực của Công ty, là mối quan tâm hàng đầu của người lao động. Hiện nay Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng chính sách phân phối tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo công bằng đồng viên người lao động nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, từng bước cải thiện thu nhập cho người lao động

- Chuyển dần từ cơ chế bổ sung lương hàng tháng cho các đơn vị, xí nghiệp gặp khó khăn sang cơ chế trả lương theo đơn giá mới. Tạo một bước đổi mới trong ban hành đơn giá tiền lương nhằm mục đích ổn định thu nhập cho lực lượng lao động, tạo tiền đề cho việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm.

- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách đãi ngộ (thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, lao động sáng tạo, tiết kiệm định mức vật tư, thưởng lễ, tết... Thực hiện đúng các chế độ phụ cấp, ăn giữa ca và trích đóng bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ...)

- Trong năm 2012, công ty đã giải quyết thôi việc, sa thải, hưu trí cho 229 lao động, tuyển dụng vào công ty 143 người. Số lượng lao động toàn công ty đến 31/12/2013 là 1.138 người.

- Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng của người lao động là: 5.824 triệu đồng/tháng. Tổng quỹ lương năm 2012 là 82 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 7,6 % doanh thu. Tuy thu nhập của người lao động đã được cải thiện song vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.

3. Công tác thị trường

- Công ty xây dựng, điều chỉnh chính sách giá một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở gắn quyền lợi của doanh nghiệp với lợi ích của người bán hàng và người sử dụng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, bán hàng trong điều kiện cạnh tranh bán hàng ngày càng gay gắt. Công tác chăm sóc sau bán hàng được quan tâm giải quyết đúng mức động viên các nhà phân phối tiêu thụ sản phẩm SRC.

- Mạng lưới đại lý phân phối của Công ty luôn được xây dựng phù hợp với đặc điểm, khả năng của từng vùng, từng khu vực. Ổn định thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các nhà phân phối, giúp cho Đại lý yên tâm đầu tư hợp tác kinh doanh sản phẩm SRC.

- Công tác quảng cáo, xúc tiến thương mại, hỗ trợ khách hàng cũng được Công ty luôn coi trọng và xác định nhu cầu này là cần thiết, do đó các chi phí cho quảng cáo, hỗ trợ cũng được Công ty quan tâm đầu tư nhiều như: Cung cấp biển hiệu cho các đại lý và hệ thống phân phối lại của đại lý, cung cấp giá để sản phẩm, giới thiệu sản phẩm thông qua việc tham gia các hội chợ trong nước và quốc tế...

- Công ty đã thành lập phòng Marketing nhằm tăng cường hỗ trợ công tác phát triển thị trường, phát triển thương hiệu SRC.

4. Công tác tài chính

- Được Công ty chú trọng đặc biệt, đảm bảo thực hiện nghiêm túc, áp dụng các chính sách, chế độ tài chính của Nhà nước ban hành.

- Hàng năm đều có kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo quy định đối với Công ty niêm yết cổ phiếu tại trụ sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

- Đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mức lãi suất vay hợp lý tại các ngân hàng.

- Các dự án đầu tư lẻ máy móc, thiết bị bổ sung cho các dây chuyền sản xuất trong Công ty được cung cấp đủ vốn kịp thời theo đúng tiến độ hợp đồng ký với nhà thầu.

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản thu-chi, đảm bảo thu đúng chi đủ, quản lý chặt chẽ dòng tiền, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, quay vòng vốn nhanh, tra nợ ngân hàng đúng hạn theo các hợp đồng tín dụng và khế ước vay nợ với ngân hàng và các đối tượng khác.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011: trả cổ tức 5% bằng tiền mặt cho các cổ đông kịp thời.

- Phòng TCKT đã tham mưu triển khai các chương trình về tiết kiệm, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Tích cực khai thác thêm nhiều ngân hàng trong và ngoài nước để tạo sự cạnh tranh với lãi suất hợp lý phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Năm 2012, Kiểm toán Nhà nước đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty và đã đánh giá cao việc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý tài chính.

- Công bố kịp thời, minh bạch, chính xác các thông tin theo yêu cầu của UBCK Nhà nước và Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh.

- Thường xuyên thu thập thông tin, đánh giá tài chính của khách hàng. Kiểm soát chặt chẽ tồn kho nguyên vật liệu, vật tư kỹ thuật, bán thành phẩm và thành phẩm.

- Lợi nhuận năm 2012 tăng do nhiều nguyên nhân (giá nguyên vật liệu chính giảm, giảm chi phí tài chính do lãi vay giảm...), nhưng cũng là kết quả trực tiếp của việc phát huy những giải pháp, biện pháp kiểm soát nội bộ tốt, tiết kiệm chi phí và giảm giá thành.

5. Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2012, Công ty đã chủ động trong công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Thực hiện thành công đề tài Nghiên cứu chế tạo sản phẩm ô tô chất lượng cao từ vật liệu Blend trên cơ sở cao su Chlorobutyl và cao su thiên nhiên.

- Nghiên cứu sử dụng cao su và vật liệu nhựa tổng hợp thay thế một phần cao su thiên nhiên để sản xuất săm xe đạp liền, săm xe máy nhằm giảm chi phí sản xuất và phù hợp với tình hình cung cấp nguyên vật liệu.

- Cải thiện chất lượng đầu nổi và sức dính cao su thân săm và đế van của các loại săm, điều chỉnh đơn pha chế và áp dụng công nghệ lọc ép liên hoàn cho săm ô tô thiên nhiên cỡ vành từ 10-16 inch.

- Hợp lý hoá thi công, giảm trọng lượng một số sản phẩm săm xe máy, lốp xe đạp và lốp ô tô (giảm trọng lượng cao su mặt lốp ô tô các loại ~ 3%) nhằm giảm chi phí sản xuất.

- Thường xuyên rà soát và hiệu chỉnh bộ Định mức vật tư cho toàn bộ sản phẩm săm lốp tại Công ty, nâng cao độ chính xác cho quá trình hạch toán sử dụng vật tư.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên và công nhân xem chất lượng sản phẩm là một yếu tố và lợi thế cạnh tranh, luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trách nhiệm đối với chất lượng sản phẩm của từng cán bộ, công nhân trong mỗi công đoạn đã có những chuyển biến nhất định.

6. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

- Trong năm 2012, công tác đầu tư xây dựng triển khai chưa được nhiều. Công ty chưa có kế hoạch đầu tư lớn, chỉ đầu tư thiết bị lẻ phục vụ sản xuất, nhà cửa do công tác thẩm định về nhu cầu đầu tư, mua sắm thiết bị của các đơn vị, nên trong quá trình thực hiện kế hoạch mua sắm phải điều chỉnh cho phù hợp (trong phạm vi cho phép) dẫn đến tiến độ đầu tư chậm. Giá trị các hạng mục đầu tư đã hoàn thành là 889 triệu đồng (đạt 5% kế hoạch); Công tác sửa chữa lớn thực hiện là 1,168 tỷ đồng (đạt 83% kế hoạch).

- Việc quản lý sử dụng đất được thực hiện nghiêm túc theo đúng Quy định của Nhà nước và địa phương. Công tác quản lý khai thác mặt bằng cho thuê cũng được Công ty thực hiện đúng nguyên tắc: tại 231 Nguyễn Trãi, công ty đã ký hợp đồng với 23 cá nhân, đơn vị thuê mặt bằng, thu gần 10 tỷ đồng/năm.

- Công tác cơ điện, sửa chữa lớn máy móc thiết bị được thực hiện tương đối tốt. Công tác lập kế hoạch sửa chữa lớn đã có tính dự báo, các sự cố máy móc thiết bị đã có kế hoạch cụ thể chứ không chờ đến khi bị sự cố mới thực hiện sửa chữa. Đặc biệt đối với các thiết bị chính, con mọt.

- Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, sử dụng vật nhằm sử dụng đúng mục đích, so với năm 2011 chi phí về vật tư phụ tùng giảm ~ 670 triệu đồng.

- Để cải thiện môi trường làm việc, Công ty đã đầu tư mua bổ sung quạt mát cho các Xí nghiệp. Đồng thời đã triển khai xong và đưa vào sử dụng có hiệu quả đề tài Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Tập đoàn với nội dung “Nghiên cứu và áp dụng hệ thống quạt mát Windking vào việc làm mát môi trường làm việc để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động” vào vị trí làm việc của công nhân tại các máy luyện kín và khu lưu hóa lớp xe đạp thuộc Chi nhánh Công ty tại Thái Bình với mức chi phí là ~ 200 triệu đồng. Cùng với việc đầu tư cải thiện môi trường, Công ty đã triển khai sửa chữa nhà ăn ka tại CNTB, các nhà vệ sinh cho các đơn vị.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

I. Các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013 (Theo số Tđoàn)	% so với thực hiện năm 2012
I- Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	375	105,82
II- Doanh thu tiêu thụ	„	1.286	118,16
III- Lợi nhuận trước thuế	„	65	102,54
IV- Sản phẩm sản xuất chủ yếu			
1- Lớp xe đạp	Chiếc	4.200.000	116,32
2- Săm xe đạp	„	5.000.000	116,92
3- Lớp xe máy	„	600.000	108,95
4- Săm xe máy	„	6.500.000	124,20
5- Lớp ô tô	„	274.000	97,56
6- Săm ô tô	„	225.000	129,97
7- Yếm ô tô	„	135.000	129,13

II. Tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và những khó khăn trong thời gian tới.

- Giá cả nguyên vật liệu, năng lượng có xu hướng tăng cao trở lại: Cao su thiên nhiên cuối năm 2012 giảm nhưng tăng dần trong tháng 1 và tháng 2/2013; cao su tổng hợp, vải mảnh, tanh và các hóa chất nhập khẩu đều tăng.

- Tiêu thụ sản phẩm chịu sự cạnh tranh quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá của các nhà sản xuất trong nước và lốp ô tô radial nhập khẩu từ Trung Quốc. Thái Lan...

- Lực lượng lao động biến động nhiều, nguồn lao động bổ sung khó khăn làm mất cân đối trong dây chuyền sản xuất ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Các giải pháp chủ yếu

1. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Phát huy tối đa năng lực trang thiết bị, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị phù hợp với lịch sản xuất. Giữ ổn định đội ngũ lao động, phát đầu mọi biện pháp đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Lượng hóa công tác tiết kiệm, chống lãng phí đến từng người lao động với cơ chế thưởng phạt xứng đáng. Định kỳ huấn luyện an toàn lao động và phòng chống cháy nổ cho công nhân lao động và cán bộ nghiệp vụ liên quan. Xây dựng môi trường sản xuất xanh-sạch-đẹp, đảm bảo vệ sinh công nghiệp.

- Tổ chức sản xuất hợp lý, đảm bảo phục vụ tốt các yêu cầu cho khách hàng. Cân đối sử dụng thiết bị, lao động, tiết kiệm điện, chi phí khác để giảm giá thành.

- Thông tin kịp thời và có biện pháp giải quyết triệt để mọi biến động trong quá trình sản xuất; biến động về công nghệ, biến động về thiết bị, các đơn vị để xảy ra biến động thì trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước.

- Tăng cường việc phối hợp giữa các đơn vị, phòng ban phát triển sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm, tăng tính cạnh tranh.

- Đặt công tác đảm bảo chất lượng sản phẩm là trọng tâm trong quản lý và điều hành tại các đơn vị trong Công ty.

- Tăng cường quản lý, giám sát đối với các xí nghiệp trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, tiền lương, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, quản lý chất lượng sản phẩm. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc, thủ trưởng các phòng ban phải hết sức sâu sát.

- Xây dựng quy chế tuyển dụng nhằm thu hút nhân tài, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt công tác đầu tư, di chuyển cũng như nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Công tác bán hàng

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ thương mại trong nước và quốc tế, xây dựng cơ chế giá bán linh hoạt theo nhiều tiêu chí khác nhau. Cùng với chủ trương đẩy mạnh chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, thị trường nội địa cần phần đầu giữ và phát triển mức tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh.

- Xác định nhu cầu sử dụng từng đối tượng khách hàng, từng khu vực vùng miền với địa hình, tải trọng, tốc độ, thói quen, thị hiếu tiêu dùng... để sản xuất những sản phẩm phù hợp tương ứng. Chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách phù hợp và hiệu quả.

- Đối với thị trường xuất khẩu, tích cực nắm bắt thông tin khách hàng, giữ bạn hàng cũ, tìm khách hàng mới để xuất khẩu theo hướng có lợi cho Công ty. Phần đầu kim ngạch xuất khẩu năm 2013 đạt trên 4,4 triệu USD (tăng 25%). Đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng giải quyết tốt các vấn đề phát sinh với khách hàng, qua đó cập nhật thông tin, đưa ra các đề xuất kịp thời điều chỉnh quá trình sản xuất nhằm đem lại tối đa hiệu quả sử dụng cho khách hàng.

- Tăng cường đẩy mạnh tìm kiếm, xâm nhập vào thị trường lớp đặc chủng, tìm hiểu đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Tiếp tục là khách hàng tin cậy của các đơn vị sản xuất và lắp ráp ô tô trong nước.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm dần dư nợ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đổi mới công tác tiếp thị quảng cáo. Tập trung tuyên truyền, quảng bá cho các sản phẩm nâng cấp, cải tiến và các sản phẩm mới như: lớp ô tô, sơn Chlorobutyl theo đơn pha chế và thiết kế thi công mới.

3. Công tác lao động tiền lương

- Kiểm tra lại toàn bộ định biên, định mức lao động ở các khâu, bộ phận, thống kê phân tích thời gian làm việc ở các đơn vị để có kế hoạch lao động hợp lý nhất.

- Cải tiến chế độ trả lương cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động hăng say công việc, có hiệu quả cao, thu hút lao động có chất lượng làm việc cho công ty.

- Tiếp tục cải tiến đơn giá lương sản phẩm một số công đoạn; xây dựng Quy chế, chính sách khen thưởng thành tích theo các định hướng của Công ty phù hợp nhằm khuyến khích người lao động tăng năng suất, chất lượng...

4. Công tác tài chính

- Phát huy vai trò của phòng Tài chính kế toán trong kiểm soát nội bộ, đánh giá các chi phí hoạt động và gia thành thực tế, nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng chống rủi ro, loại bỏ lãng phí.

- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán không để nợ vượt định mức; không để xảy ra bất cứ rủi ro nào trong công nợ khách hàng. Thực hiện bảng cân đối thu chi, thanh toán định kỳ để quản lý chặt chẽ dòng tiền và cân đối tài chính.

- Theo dõi nắm bắt chính xác xu hướng giá, tận dụng khả năng vốn, mua thêm các loại nguyên liệu chủ yếu để lãg tồn kho và kinh doanh nguyên vật liệu để tăng hiệu quả sử dụng vốn, tìm thêm đối tác để đảm bảo cạnh tranh về giá. Ổn định chất lượng các loại nguyên vật liệu, làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của Công ty.

- Phân tích tính toán giá thành kịp thời để có cơ sở thực hiện các phương án sản xuất hiệu quả.

5. Công tác cơ điện, năng lượng

- Rà soát, xây dựng Quy chế hoạt động Cơ điện, xem xét đến mô hình hoạt động của lực lượng cơ điện nhằm thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.

- Tiếp tục rà soát thay thế các máy móc thiết bị sản xuất không hiệu quả và quy hoạch mã hoá toàn bộ máy móc thiết bị phục vụ cho công tác lập và quản lý hồ sơ cho từng máy, từng thiết bị.

- Tổ chức chặt chẽ công tác bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên. Có kế hoạch lưu giữ, bảo quản các máy móc thiết bị chưa có nhu cầu sử dụng.

- Thực hiện kiểm toán năng lượng và triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng:

┆ Triển khai lắp các thiết bị đo đếm tại các hộ tiêu thụ năng lượng, điện, khí nén nhằm đánh giá nhận diện các cơ hội tiết kiệm năng lượng.

┆ Theo dõi, xây dựng các định mức sử dụng năng lượng trong sản xuất tại từng đơn vị, từng sản phẩm và trong sinh hoạt.

- Thực hiện việc mua toàn bộ hơi nóng từ đơn vị bên ngoài, dùng sử dụng lò hơi đốt than tại Hà Nội, tiếp theo đánh giá cụ thể về hiệu quả để áp dụng tại Chi nhánh của Công ty tại Thái Bình.

6. Công tác chất lượng

- Tăng cường hệ thống kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào và khâu luyện cao su Bán thành phẩm; cải tiến cơ chế bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất, giảm tối đa các hiện tượng “lỗi” do chủ quan mà chuyển sang công đoạn kế tiếp vì đây là nguyên nhân chủ yếu phát sinh “phế” đang tồn tại.

- Khai thác có hiệu quả các trang thiết bị đã đầu tư, nâng cao ý thức giữ gìn bảo quản trang thiết bị phục vụ sản xuất tốt

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng, không ngừng cải tiến hệ thống cho phù hợp với tình hình thực tế. Chuẩn bị tốt cho việc đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, đăng kiểm, thanh tra chất lượng...

7. Công tác khoa học kỹ thuật

Tiếp tục tập trung nghiên cứu cải tiến liên tục đơn pha chế, tăng tỷ lệ sử dụng các loại nguyên liệu và phụ gia có chi phí thấp hơn mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, xem đây là một trong những biện pháp trọng tâm để hạ giá thành và tăng cạnh tranh giá bán trong khi giá nguyên vật liệu tăng dần.

Thu thập và phân tích các sản phẩm cạnh tranh (nội địa và xuất khẩu), chủ động đưa ra các biện pháp để cải tiến quy trình công nghệ.

- Tiếp tục hoàn thiện các đơn pha chế, thiết kế thi công và công nghệ sản xuất để tiến hành sản xuất đại trà sản phẩm ô tô Chlorobutyl cỡ vành từ 16-20 inch, giảm tỷ lệ phế sản xuất xuống còn 2%.

- Hợp tác nghiên cứu với chuyên gia Nga thuộc Viện nghiên cứu cao su TRI trong các lĩnh vực thiết kế, pha chế, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng lớp ô tô.

- Phối hợp với Trung tâm Polymer Trường Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện đề tài “Ứng dụng silica biến tính Silan trong lớp ô tô công trường nhằm nâng cao chất lượng”.

- Phối hợp với Viện kỹ thuật quân sự Phòng không-Không quân nghiên cứu thực hiện dự án cấp Nhà nước “Hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm lớp máy bay hơi không sấm dùng cho máy bay L.39” phục vụ Quốc phòng, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu được để triển khai sản xuất lớp xe máy không sấm tại SRC.

- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện định mức tiêu hao vật tư, lao động... phù hợp với những thay đổi về thiết bị, công nghệ và nguyên vật liệu. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm vật tư và ổn định chất lượng sản phẩm.

8. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Thống nhất kế hoạch đầu tư ngay từ Quý I để hoàn tất các thủ tục ký hợp đồng vay vốn với những hạng mục cần thiết. Trong năm nếu có nhu cầu phát sinh sẽ bổ sung vào các Quý tiếp theo.

- Làm việc với các Sở ban ngành về việc áp tiền thuế đất tại 231 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Triển khai xong thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 233 Khương Trung, Thanh Xuân và Chi nhánh Công ty tại Thái Bình.

- Khai thác hiệu quả việc cho thuê mặt bằng của Công ty.

- Nghiên cứu Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về nhà máy mới thực hiện theo chủ trương của Thành phố, Tập đoàn Hoá chất Việt Nam.

3.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội Đại hội không có ý kiến gì

4. Báo cáo của Ban kiểm soát.

4.1 Trình bày báo cáo: Ông Phạm Thanh Tùng - Trưởng ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 có nội dung chủ yếu sau.

I/ Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2012:

Năm 2012 Ban Kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty. Tại các cuộc họp, Ban kiểm soát đã tham gia ý kiến đóng góp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của công ty.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012.

- Kiểm soát việc công bố thông tin theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của Pháp luật.

- Kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty theo quý, xem xét tính minh bạch của quá trình luân chuyển chứng từ.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức họp 3 lần để kiểm điểm những nội dung hoạt động theo nhiệm vụ được giao. Nội dung chủ yếu các cuộc họp được tổng hợp theo nhóm nhiệm vụ dưới đây.

1/ Kiểm soát Báo cáo Tài chính năm 2012.

* Báo cáo quyết toán năm 2012: Báo cáo quyết năm của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (VP AUDIT)

Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, Ban Kiểm soát nhận thấy: Phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kế toán áp dụng và chế độ chính sách tài chính kế toán Công ty áp dụng thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2012 là phù hợp. Số liệu chi tiết Báo cáo quyết toán năm do Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.

* Báo cáo quyết toán các quý trong năm: Việc thực hiện báo cáo các quý trong năm đầy đủ, đáp ứng được các nội dung cũng như mẫu biểu theo chế độ quy định.

Về thời gian lập và gửi báo cáo tài chính trong năm đúng quy định, kịp thời phục vụ quản trị của Công ty và thông tin đến các cổ đông.

* Đánh giá công tác quản lý và kiểm soát tài chính năm 2012:

- Ban Kiểm soát nhất trí với các số liệu cũng như nhận xét của Kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo Quyết toán năm 2012;

- Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng theo quy định của chế độ kế toán thống kê.

- Thực hiện công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng hoá, vật tư, tài sản, thành phẩm tồn kho định kỳ theo đúng Quy chế tài chính của Công ty có tác dụng kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn hành vi xâm phạm tài sản của Công ty.

Tuy nhiên trong báo cáo tài chính năm 2012 còn có một số chỉ tiêu cần tiếp tục hoàn thiện trong năm 2013 nhằm tăng hiệu quả quản lý:

Công nợ phải thu của khách hàng đến 31/12/2012 là 57,9 tỷ: Trong năm Công ty đã có nhiều cố gắng đẩy mạnh thu hồi công nợ nên số phải thu có giảm, tuy nhiên cần tiếp tục duy trì trong năm 2013. Bên cạnh đó dự phòng phải thu khó đòi còn cao 4,4 tỷ (năm 2011 là 3,2 tỷ) thể hiện khả năng rủi ro lớn, ảnh hưởng đến SXKD và lợi nhuận của công ty trong năm tiếp theo.

2/ Kiểm soát các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị năm 2012.

Ban Kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp; Các Quyết nghị, Quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

- Việc thực hiện chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông đúng tiến độ, công khai minh bạch, đúng quy định của Nhà nước.

- Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT đã thể hiện được mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 và hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của cuộc suy thoái toàn cầu đến Công ty. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về giá trị SXCN đạt 87,5%; doanh thu đạt 83,7% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ đã công bố. Tuy nhiên chỉ tiêu Lợi nhuận tăng 76% so với Nghị quyết.

Ban Kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2012 và giải trình các nguyên nhân không hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu như báo cáo của Hội đồng quản trị.

3/ Kiểm soát nội dung hoạt động của Ban điều hành:

- Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2012 so với mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông cụ thể:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	(%) So với Nghị quyết
I- Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng	354,39	87,5
II- Doanh thu tiêu thụ	„	1.088,35	83,7
III- Lợi nhuận trước thuế	„	63,39	176,0

Ban Kiểm soát nhất trí với những đánh giá trong Báo cáo của Tổng giám đốc Công ty về những tồn tại, yếu kém và hướng đề xuất khắc phục những yếu kém đó. Tuy nhiên Ban điều hành cần quyết liệt triển khai thực hiện ngay từ ngày đầu tháng đầu năm 2013 để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

Các nội dung khác như kiểm soát chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư thiết bị, hàng hoá Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban kiểm soát nhận thấy quy trình thực hiện theo quy định đã được ban hành và chưa nhận thấy sai phạm nào so với quy định của Công ty cũng như quy định của Nhà nước.

Công tác tiêu thụ sản phẩm: Các quy định chính sách bán hàng, thu hồi công nợ không nhất quán giữa các vùng miền, đại lý; chưa có Phó tổng giám đốc chuyên trách công tác thị trường.

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư: Các dự án đầu tư thực hiện đúng tiến độ, đúng trình tự thủ tục theo quy định.

4/ Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành:

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng các Quy chế, nội dung cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát cũng thường xuyên xem xét, góp ý kiến với Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh để phù hợp với mục tiêu của Công ty, Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

Tuy nhiên ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát với Ban điều hành về thực hiện quy chế phân phối tiền lương, quy chế bán bán hàng, định mức tiêu hao nhiên liệu ...chưa được Ban điều hành chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau nên hiệu quả chưa đạt như mong muốn.

5/ Ý kiến của Cổ đông:

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến khiếu nại, tố cáo bằng văn bản của Cổ đông về các sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao.

II/ Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị:

Năm 2012, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có nhiều cố gắng tìm nhiều biện pháp để thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012, vì vậy đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu được ghi trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Xem xét tiếp thu các ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác quản lý của Công ty theo các khuyến nghị, đề xuất của Kiểm toán Nhà nước, Công ty Kiểm toán độc lập.

- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất..., chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục sửa đổi bổ sung hoàn thiện quy chế tiêu thụ, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ... nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, tăng vòng quay của vốn. cũng như hiệu lực quản lý của công ty.

- Đề nghị công ty xem xét lại quy chế mua sắm vật tư, nguyên liệu nhằm ổn định và chủ động hơn trong việc sản xuất kinh doanh đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc làm tốt việc quản lý chất lượng nguyên vật liệu, vật tư đầu vào.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ Định mức đơn giá tiền lương và Quy chế phân phối tiền lương để tương xứng với sức lao động của từng vị trí công việc. có chính sách trả lương cao đối với cán bộ quản lý, kỹ sư có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao.

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị trong việc xây dựng các Quy chế, nội dung cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát cũng thường xuyên xem xét, góp ý kiến với Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh để phù hợp với mục tiêu của Công ty, Hội đồng quản trị và các chính sách, chế độ quy định.

Tuy nhiên ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát với Ban điều hành về thực hiện quy chế phân phối tiền lương, quy chế bán bán hàng, định mức tiêu hao nhiên liệu ...chưa được Ban điều hành chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau nên hiệu quả chưa đạt như mong muốn.

5/ Ý kiến của Cổ đông:

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát chưa nhận được ý kiến khiếu nại, tố cáo bằng văn bản của Cổ đông về các sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao.

II/ Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị:

Năm 2012, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có nhiều cố gắng tìm nhiều biện pháp để thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2012, vì vậy đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu được ghi trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Xem xét tiếp thu các ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác quản lý của Công ty theo các khuyến nghị, đề xuất của Kiểm toán Nhà nước, Công ty Kiểm toán độc lập.

- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất..., chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục sửa đổi bổ sung hoàn thiện quy chế tiêu thụ, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ... nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, tăng vòng quay của vốn. cũng như hiệu lực quản lý của công ty.

- Đề nghị công ty xem xét lại quy chế mua sắm vật tư, nguyên liệu nhằm ổn định và chủ động hơn trong việc sản xuất kinh doanh đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc làm tốt việc quản lý chất lượng nguyên vật liệu, vật tư đầu vào.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ Định mức đơn giá tiền lương và Quy chế phân phối tiền lương để tương xứng với sức lao động của từng vị trí công việc. có chính sách trả lương cao đối với cán bộ quản lý, kỹ sư có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cán bộ quản lý, kiên quyết kỷ luật, không sử dụng những cán bộ quản lý yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ.

- Sớm trình phương án di dời, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với lô đất 231 Nguyễn Trãi để Đại hội cổ đông thông qua.

4.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

Đại hội không có ý kiến gì

4.3. Biểu quyết thông qua

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

5. Trình trình về phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2012

5.1 Trình bày báo cáo: Bà Đào Thị Hoa - TVHDQT, Kế toán trưởng Công ty đọc Trình trình phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2012.

Trình trình về phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2012 có nội dung chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Vốn điều lệ của Công ty đến 31/12/2012.	162.000.000.000
2	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối các năm trước	6.464.308.862
3	Lợi nhuận phát sinh năm 2012	63.378.720.694
3.1	Thuế TNDN phải nộp (25%)	15.844.680.174
3.2	Chi trả HDQT, BKS	45.000.000
3.3	Lợi nhuận còn lại	47.489.040.520
3.4	Trích các quỹ:	
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)	2.374.452.026
	- Quỹ đầu tư, phát triển (5%)	2.374.452.026
	- Quỹ dự phòng tài chính (5%)	2.374.452.026
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (3%)	1.424.671.216
	- Quỹ khen thưởng ban điều hành	500.000.000
4	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức cho các cổ đông	44.905.322.088
5	Dự kiến chi cổ tức 12,5% vốn điều lệ bằng tiền mặt	20.250.000.000
6	Dự kiến chi cổ tức 12,5% vốn điều lệ bằng cổ phiếu	20.250.000.000
7	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau là	4.405.322.088

Thời điểm chia cổ tức: Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức như trên, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để tiến hành chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định.

Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống tới hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và được thanh toán bằng tiền cho cổ đông

5.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

Đại hội không có ý kiến gì

5.3. Biểu quyết thông qua

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình về phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2012, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

6. Tờ trình về kế hoạch và cổ tức năm 2013.

6.1 Trình bày báo cáo: Bà Đào Thị Hoa - TVHDQT, Kế toán trưởng Công ty đọc Tờ trình về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2012.

Tờ trình về kế hoạch và cổ tức năm 2012 có nội dung chủ yếu như sau

Những tháng đầu năm 2013, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ hệ quả của cuộc khủng hoảng nợ công, suy giảm kinh tế toàn cầu và áp lực tăng lạm phát. Tình hình sản xuất của Công ty còn gặp nhiều khó khăn do: Giá các loại vật tư nhập khẩu và nội địa còn biến động khó lường, thị trường tiêu thụ cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất sản phẩm cùng loại, sản phẩm lớp ô tô cỡ lớn tiêu thụ giảm sút. Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã họp và đề ra nhiều biện pháp nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành nâng cao chất lượng, đa dạng mẫu mã, chủng loại của sản phẩm để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm SRC trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Từ phân tích trên HĐQT, Ban điều hành Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng kế hoạch tài chính như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 375 tỷ đồng
- Doanh thu thuần : 1.286 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 65 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 : 15% / vốn điều lệ/ năm

6.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

Cổ đông có ý kiến việc dự kiến chia cổ tức năm 2012 là 25% vốn điều lệ, năm 2013 chỉ đặt kế hoạch có 15% thấp hơn nhiều so năm 2012 trong khi lợi nhuận đặt kế hoạch cao hơn năm 2012.

Ông Lê Văn Cường đã giải trình các căn cứ chủ quan và khách quan của Công ty để đặt ra chỉ tiêu như trên.

6.3. Biểu quyết thông qua

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2013, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

7. Báo cáo về thu nhập, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2012 và Tờ trình về thu nhập, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2013.

7.1 Trình bày báo cáo: Bà Đào Thị Hoa - TVHĐQT, KTT Báo cáo về thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2012 có nội dung chủ yếu sau:

- Mức thu nhập của Chủ tịch HĐQT chuyên trách:

Thu nhập của chủ tịch HĐQT chuyên trách tính theo kết quả SXKD của Công ty năm 2012, tổng số tiền thu nhập 06 tháng cuối năm 2012 là: 145.275.066 đồng, bình quân thu nhập: 24.212.511 đồng/tháng.

- Thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao 1 tháng (đ/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	01	4.500.000	06	27.000.000
Thành viên HĐQT	04	3.000.000	12	144.000.000
Trưởng BKS	01	3.000.000	12	36.000.000
Thành viên BKS	02	2.400.000	12	57.600.000
Thư ký Công ty	01	2.400.000	12	28.800.000
Cộng				293.400.000

Việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Công ty được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

7.2 Tờ trình về thu nhập, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2013

Thời điểm chia cổ tức: Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chia cổ tức như trên, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để tiến hành chia cổ tức cho các cổ đông theo quy định.

Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh: Số cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống tới hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và được thanh toán bằng tiền cho cổ đông

5.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội Đại hội không có ý kiến gì

5.3. Biểu quyết thông qua

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình về phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2012, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

6. Tờ trình về kế hoạch và cổ tức năm 2013.

6.1 Trình bày báo cáo: Bà Đào Thị Hoa - TVHDQT, Kế toán trưởng Công ty đọc Tờ trình về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2012.

Tờ trình về kế hoạch và cổ tức năm 2012 có nội dung chủ yếu như sau

Những tháng đầu năm 2013, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ hệ quả của cuộc khủng hoảng nợ công, suy giảm kinh tế toàn cầu và áp lực tăng lạm phát. Tình hình sản xuất của Công ty còn gặp nhiều khó khăn do: Giá các loại vật tư nhập khẩu và nội địa còn biến động khó lường, thị trường tiêu thụ cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất sản phẩm cùng loại, sản phẩm lớp ô tô cỡ lớn tiêu thụ giảm sút. Trước tình hình trên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã họp và đề ra nhiều biện pháp nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành nâng cao chất lượng, đa dạng mẫu mã, chủng loại của sản phẩm để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm SRC trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Từ phân tích trên HĐQT, Ban điều hành Công ty dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng kế hoạch tài chính như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 375 tỷ đồng
- Doanh thu thuần : 1.286 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 65 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 : 15% / vốn điều lệ/ năm

- Mức thu nhập của Chủ tịch HĐQT chuyên trách:

Thu nhập của Chủ tịch HĐQT chuyên trách tính theo kết quả SXKD của Công ty nhưng tối đa không quá 40.000.000 đồng/tháng.

- Thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Công ty:

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao 1 tháng (đ/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
Thành viên HĐQT	04	4.000.000	12	192.000.000
Trưởng BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
Thư ký Công ty	01	3.500.000	12	42.000.000
Cộng				354.000.000

7.3. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội Đại hội không có ý kiến gì

7.4. Biểu quyết thông qua

Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo về thu nhập, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2012 và Tờ trình về thu nhập, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2013, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 11.077.546 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

8. Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập 2013

8.1 Trình bày báo cáo: Ông Phạm Thanh Tùng - TBKS trình bày Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2013.

Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2013 có các nội dung chủ yếu sau:

8.1.1 Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập (Công ty)

Theo quy định của pháp luật hiện hành, các Công ty phải:

- Thuộc Danh sách công ty kiểm toán đủ điều kiện hành nghề năm 2012 do Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) công bố.
- Là các công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán BCTC của các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2013.
- Là Công ty kiểm toán có uy tín, có thương hiệu trên thị trường kiểm toán.

8.1.2 Căn cứ đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng

Ban Kiểm soát Công ty đã nhận được 3 bộ Hồ sơ giới thiệu năng lực tham gia kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty theo danh sách dưới đây:

1. Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế PNT - Chi nhánh Hà Nội: Chào phí 170 triệu đồng/1năm (chưa VAT).
2. Công ty TNHH dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) - Chi nhánh Hà Nội. Chào phí 180 triệu đồng/1năm (chưa VAT).
3. Công ty Công ty Kiểm toán Nhân Việt (VP AUDIT): Chào phí 105 triệu đồng/1năm (chưa VAT).

8.1.3 Đề xuất của Ban Kiểm soát

- Đối chiếu các quy định và xem xét hồ sơ năng lực của các Công ty gửi chào thấy rằng: Cả 3 (ba) đơn vị đều đáp ứng yêu cầu đối với công ty kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật.

- Qua đánh giá thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cao su Sao Vàng trong năm 2012, Công ty Nhân Việt đáp ứng các yêu cầu đặt ra với chất lượng đáng tin cậy đảm bảo đúng tiến độ và có sự phối hợp tốt với Ban Kiểm soát của Công ty. Đồng thời Công ty Nhân Việt có mức chào giá hợp lý, phù hợp với khả năng tài chính của công ty.

Vi vậy, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc:

- Lựa chọn Công ty Kiểm toán Nhân Việt là Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (năm thứ 2);

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty đàm phán, ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng với Công ty Kiểm toán Nhân Việt đảm bảo nguyên tắc công việc kiểm toán đạt chất lượng tốt, giá phí dịch vụ tương xứng với chất lượng dịch vụ, và theo đúng quy định của pháp luật.

8.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

Đại hội không có ý kiến gì

8.3. Biểu quyết thông qua.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập năm 2013, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.719.568 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

9. Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty

9.1 Trình bày báo cáo: Ông Lê Văn Cường - Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty.

Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty có nội dung chủ yếu như sau:

- Thay nội dung khoản 1 của Điều 5 bằng nội dung sau:

Vốn điều lệ của Công ty là 182.250.000.000 VNĐ (Một trăm tám hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng vốn điều lệ của Công ty được chia thành 18.225.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

- Thay nội dung khoản 3 Điều 17 bằng nội dung sau:

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất trước mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

- Thay nội dung khoản 1 Điều 24 bằng nội dung sau:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống

9.2. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội

Đại hội không có ý kiến gì

9.3. Biểu quyết thông qua.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình về sửa đổi Điều lệ Công ty, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.719.568 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

III/ Thông qua Biên bản và bế mạc Đại hội.

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký đại hội trình bày dự thảo Biên bản Đại hội.

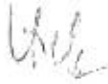
Biên bản này đã được thông qua tại Đại hội, kết quả như sau:

- Số phiếu tán thành là 10.719.568 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.
- Số phiếu không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

2. Ông Lê Văn Cường chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội

Đại hội kết thúc lúc 10h45 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thanh Tùng

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Lê Văn Cường